TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Liêm và ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2024, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Trần Thị B trình bày:

Về hôn nhân, bà (Trần Thị B) và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T chứng nhận kết hôn ngày 07/4/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tính không còn hợp nhau nên thường tranh cải mà không thể tự hòa giải, gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành.

Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Về con chung, có 02 người tên là Nguyễn Anh T (giới tính nữ) sinh ngày 03/01/2016 và Nguyễn Anh K (giới tính nam) sinh ngày 11/11/2020. Hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Trần Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn N vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hòa hợp về tính tình nên thường xuyên cải nhau mà không thể hoà giải và không thể tiếp tục cuộc sống chung mặc dù đã được gia đình hoà giải, hàn gắn nhiều lần. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Ông Nguyễn Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn N đã và đang trầm trọng. Do đó, việc cho bà Trần Thị B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung, có 02 người tên là Nguyễn Anh T (giới tính nữ) sinh ngày 03/01/2016 và Nguyễn Anh K (giới tính nam) sinh ngày 11/11/2020. Hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, con chung Nguyễn Anh T đã đủ 7 tuổi, có nguyện vọng muốn chung sống cùng mẹ là bà Trần Thị B nên căn cứ khoản 2

Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ chấp nhận. Đối với Nguyễn Anh K đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 (ba) năm 10 (mười) tháng 16 (mười sáu) ngày tuổi hiện tại đang do bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng nên xét thấy giao cho bà Trần Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung của bà Trần Thị B là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Về cấp dưỡng, bà Trần Thị B yêu cầu cấp dưỡng đối với 02 người con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng không được thấp hơn 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng. Bà Trần Thị B có đơn yêu cầu cấp dưỡng cụ thể là 1.500.000 đồng/tháng/01 người con, yêu cầu cấp dưỡng cho 02 người con. Xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị B là có căn cứ để chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị B yêu cầu tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị B phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn N phải chịu theo quy định của điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị B ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Anh T (giới tính nữ) sinh ngày 03/01/2016 và Nguyễn Anh K (giới tính nam) sinh ngày 11/11/2020 cho bà Trần Thị B chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Anh T và Nguyễn Anh K đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con cho Nguyễn Anh T (giới tính nữ) sinh ngày 03/01/2016 và Nguyễn Anh K (giới tính nam) sinh ngày 11/11/2020.

Về cấp dưỡng (mức, phương thức, thời gian cấp dưỡng) được thực hiện như sau:

+ *Mức cấp dưỡng:* 1.500.000 đồng/01 người/tháng x 02 người = 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

+ *Phương thức cấp dưỡng:* Được thực hiện hàng tháng.

+ *Thời gian cấp dưỡng:* Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/9/2024) cho đến khi cháu Nguyễn Anh T và cháu Nguyễn Anh K đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị B đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015079, ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước